TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **171**/2022/DS-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31A/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngô Thị T1,** sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp T B, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: **Hồ Thị Ánh T**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp T2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2021).

- *Bị đơn*: 1/ **Trần Thị T2**, sinh năm: 1971

2/ **Nguyễn Thị Diễm M**, sinh năm: 2001

Địa chỉ: ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

- *Người làm chứng:* **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp TB, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG

(Chị T có mặt; bà T, chị M vắng mặt; chị P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/02/2021 chị T1 có cho mẹ con bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M mượn số tiền là 50.000.000đồng, mục đích mượn tiền là để bà T2 chữa bệnh cho chồng, hẹn 03 tháng sau sẽ trả lại vốn. Việc vay mượn tiền không có tính lãi và hai bên có viết biên nhận, có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị P.

Đến ngày 06/4/2021 bà T2 hỏi mượn tiếp của bà T1 số tiền 10.000.000đồng, không lãi suất, hẹn 05 tháng sau sẽ hoàn lại vốn. Khi mượn tiền hai bên có viết biên nhận và có con bà T2 là chị Nguyễn Thị Diễm M ký tên vào biên nhận.

Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà T2 và chị M không thực hiện như thỏa thuận mà cứ hứa hẹn, sau đó hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả hết số nợ 60.000.000đồng cho bà T1 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay bà T1 yêu cầu bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M trả cho bà T1 số tiền vốn là 60.000.000đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày mượn cho đến khi xét xử.

Tại bản tự khai đề ngày 22/4/2022, bị đơn bà Trần Thị T2 trình bày:

Trước đây do cần tiền trả nợ nên bà T2 có nhờ chị Nguyễn Thị P vay dùm số tiền là 60.000.000đồng, mỗi tháng bà T2 đóng lãi là 6.000.000đồng. Vì mọi giao dịch thông qua chị P nên bà T2 không biết họ tên, địa chỉ của người cho bà vay tiền. Sau khi vay tiền bà T2 có đóng lãi được khoảng một năm thì không có khả năng đóng tiếp nên chị P giới thiệu bà T2 đến gặp bà Ngô Thị T1 vay tiền để trả số nợ trên. Bà T2 vay của bà T1 tổng cộng số tiền là 60.000.000đồng; vay làm hai lần; lần thứ nhất vay số tiền 50.000.000đồng vào ngày 18/02/2021, không lãi suất, thời hạn trả vốn là 03 tháng, có viết biên nhận, bà T2 cùng con là chị Nguyễn Thị Diễm M có ký tên vào biên nhận; lần thứ hai vay số tiền là 10.000.000đồng vào ngày 06/4/2021, không lãi, thời hạn trả vốn là 05 tháng, có viết biên nhận và chị Diễm M có ký tên vào biên nhận nợ. Nay bà T2 thừa nhận còn nợ bà T1 số tiền là 60.000.000đồng, bà T2 đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Riêng đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà T2 không đồng ý.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm M dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 12/01/2022 chị P trình bày:

Chị P là hàng xóm của bà Ngô Thị T1, bà Trần Thị T2 và chị Nguyễn Thị Diễm M. Vào năm 2021 bà T2 có hỏi mượn chị P tiền để về chữa bệnh cho chồng. Nhưng do chị P không có tiền nên chị P có đưa bà T2 đến gặp bà T1 để hỏi mượn số tiền là 50.000.000đồng và bà T1 đồng ý. Sau đó bà T2 có hỏi mượn của bà T1 tiếp số tiền 10.000.000đồng. Cả hai lần mượn tiền trên có viết biên nhận, chị P có mặt chứng kiến, lần đầu mượn 50.000.000đồng chị P có ký tên vào biên nhận để làm chứng, lần sau mượn số tiền 10.000.000đồng chị P không có ký tên vào biên nhận. Cả hai lần mượn tiền đều có mặt mẹ con bà T2. Sau đó chị P cũng có nhiều lần nhắc nhở bà T2 trả tiền cho bà T1 nhưng do dịch bệnh mẹ con bà T2 không tiền trả cho bà T1 như thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T2, chị M.

[2] – Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" ngày 18/02/2021 được giao kết giữa bà Ngô Thị T1 với bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M thể hiện bà T1 có cho bà T2, chị M vay số tiền là 50.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng, không lãi suất và "Giấy mượn tiền" ngày 06/4/2021 thể hiện chị M có vay của bà T1 số tiền là 10.000.000đồng, thời hạn vay là 05 tháng, không lãi suất. Biên nhận ngày 06/4/2021 được giao kết giữa bà T1 với chị M mà không có bà T2 ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày lúc vay tiền có mặt bà T2 và chị M, nhưng khi viết biên nhận thì chị M đại diện viết và ký tên, điều này được bị đơn bà T2 thừa nhận. Lời khai này của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đối với chị Nguyễn Thị Diễm M dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T2 và chị M có vay tiền và còn nợ bà T1 số tiền là 60.000.000đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn trả số tiền 60.000.000đồng cho nguyên đơn trong một thời gian nhất định, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tính lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày vay tiền đến khi xét xử. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi của số tiền 60.000.000đồng cụ thể như sau:

Từ ngày 18/02/2021 đến ngày xét xử là 15 tháng 12 ngày, lãi suất của số tiền 50.000.000đồng là 6.390.600đồng. Từ ngày 06/4/2021 đến ngày xét xử là 13 tháng 24 ngày, lãi suất của số tiền 10.000.000đồng là 1.146.000đồng. Tổng cộng là 7.536.600đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T1 số tiền vốn và lãi tổng cộng là 67.536.600đồng.

[3] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị T2, chị Nguyễn Thị Diễm M có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T1.

Buộc bà Trần Thị T2 và chị Nguyễn Thị Diễm M có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T1 số tiền là 67.536.600đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T2, chị M chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T2 và chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu 3.376.800đồng.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị T1 số tiền là 1.558.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003743 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh